

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2024

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành việc Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 35/2022/GDU/QĐ-HT ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 14/2024/KH-GDU ngày 17/01/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Gia Định về việc ban hành kế hoạch tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh thạc sĩ năm 2024. Trường Đại học Gia Định thông báo tuyển sinh thạc sĩ theo định hướng ứng dụng như sau:

1. Ngành đào tạo

| TT | Ngành đào tạo | Mã ngành | Chỉ tiêu tuyển sinh |
|----|---------------------|----------|--|
| 1 | Luật | 8380101 | Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 2 | Quản trị kinh doanh | 8340101 | |

2. Định hướng và thời gian đào tạo

2.1. Định hướng đào tạo: Theo định hướng ứng dụng

2.2 Thời gian đào tạo: 18 tháng (chương trình bao gồm 3 học kỳ và chưa bao gồm thời gian hoàn thành đề án tốt nghiệp).

2.3. Hình thức đào tạo: Chính quy

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.1. Đối tượng dự tuyển

- Là công dân Việt Nam
- Đang không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

3.2. Điều kiện dự tuyển

3.2.1. Điều kiện về ngành tốt nghiệp ở bậc đại học

- Dự tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ: Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ở tất cả các ngành.

- Dự tuyển vào ngành Luật, trình độ thạc sĩ: Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học các nhóm ngành/ngành sau đây:

- ❖ Nhóm ngành Luật: Tất cả các ngành thuộc nhóm ngành Luật;
- ❖ Nhóm ngành An ninh và Trật tự xã hội gồm các ngành: Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân, Điều tra hình sự;
- ❖ Nhóm ngành báo chí và truyền thông gồm các ngành: Báo chí, Truyền thông đại chúng, Truyền thông đa phương tiện.

3.2.2. Điều kiện ngoại ngữ:

Thí sinh đăng ký dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ đầu vào khi có một trong các văn bằng chứng chỉ sau:

a) Có năng lực ngoại ngữ trình độ ngoại ngữ Bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục: Bảng quy đổi chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Gia Định cấp trong thời gian không quá 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày xét tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

d) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Trong trường hợp thí sinh chưa có các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ nêu trên, thí sinh phải tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung ngoại ngữ dùng cho người Việt Nam do trường Đại học Gia Định tổ chức.

3.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển với các điều kiện:

- Dựa vào điểm tổng kết điểm xếp loại tốt nghiệp toàn khoá ở bậc đại học.
- Đạt điều kiện về ngoại ngữ theo quy định tại khoản 3.2.2 mục 3.

3.4. Thông tin xếp loại và quy đổi điểm tốt nghiệp của ứng viên ở bậc đại học (Tổng điểm đánh giá tối đa: 90 điểm)

- Xếp loại Trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy từ 5,0 đến 5,9: **50 điểm**
- Xếp loại Trung bình - Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 6,0 đến 6,9: **60 điểm**
- Xếp loại Khá hoặc điểm trung bình tích lũy từ 7,0 đến 7,9: **70 điểm**
- Xếp loại Giỏi hoặc điểm trung bình tích lũy từ 8,0 đến 8,9: **80 điểm**
- Xếp loại Xuất sắc hoặc điểm trung bình tích lũy từ 9,0 đến 10,0: **90 điểm**

Lưu ý:

- Đối với kết quả học tập không sử dụng thang điểm trung bình chung tích lũy tốt nghiệp hệ 10 thì sử dụng kết quả xếp loại tốt nghiệp để tính điểm cho mục này.

- Tiêu chí khác (không bắt buộc): Các giải thưởng cấp quốc gia (**5 điểm**), tham gia bài báo khoa học được các tổ chức uy tín công nhận (**5 điểm**), đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ được cấp bởi các cơ sở đào tạo quốc tế uy tín hoặc các cơ sở đào tạo trong nước được Bộ giáo dục và đào tạo công nhận (**5 điểm**). Điểm cộng tối đa là 15 điểm. Sau khi cộng điểm, điểm đánh giá cuối cùng sẽ được làm tròn thành **100 điểm**.

3.5. Điều kiện trúng tuyển

3.5.1. Điều kiện xét tuyển thẳng

Thí sinh hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét tuyển thẳng:

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc tương đương trở lên) với hình thức đào tạo chính quy đạt loại Giỏi trở lên ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật được xét tuyển thẳng khi có nguyện vọng học chương trình thạc sĩ.

- Đạt năng lực ngoại ngữ trình độ ngoại ngữ Bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3.5.2. Điều kiện xét tuyển các trường hợp khác

Thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

- Thí sinh phải đạt tổng điểm đánh giá hồ sơ từ **50 điểm** trở lên;

- Đạt điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại **khoản 3.2.2 mục 3** hoặc thí sinh chưa đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được tổ chức tại Trường Đại học Gia Định tổ chức và đạt điểm đánh giá đạt từ **50 điểm**.

4. Học bổ sung kiến thức

4.1. Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh

- **Tốt nghiệp trình độ đại học nhóm ngành 1:** Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại không phải học bổ sung kiến thức

- **Tốt nghiệp trình độ đại học nhóm ngành 2:** Ngành/nhóm ngành về Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán; Kinh doanh quốc tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bảo hiểm; Kinh doanh thương mại phải học bổ sung 3 học phần sau:

| TT | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ |
|------------------------|-------------------------|------------|
| 1 | Quản trị chiến lược | 03 |
| 2 | Quản trị Marketing | 03 |
| 3 | Quản trị nguồn nhân lực | 03 |
| Tổng số tín chỉ | | 09 |

- **Tốt nghiệp trình độ đại học các nhóm ngành khác:** Phải học bổ sung 7 học phần:

| TT | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ |
|------------------------|-------------------------|------------|
| 1 | Marketing căn bản | 03 |
| 2 | Quản trị học | 03 |
| 3 | Nguyên lý kế toán | 03 |
| 4 | Lý thuyết tài chính | 03 |
| 5 | Quản trị chiến lược | 03 |
| 6 | Quản trị Marketing | 03 |
| 7 | Quản trị nguồn nhân lực | 03 |
| Tổng số tín chỉ | | 21 |

4.2. Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Luật

- **Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học nhóm ngành 1 gồm:** Ngành Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật quốc tế và các ngành luật khác không cần học bổ sung kiến thức.

- **Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học nhóm ngành 2:** Người tốt nghiệp đại học các ngành liên quan đến ngành Luật như ở **khoản 3.2.1 mục 3** phải học bổ sung kiến thức 04 học phần (12 tín chỉ), bao gồm:

| TT | TÊN HỌC PHẦN | SỐ TÍN CHỈ |
|------------------------|-----------------|------------|
| 1 | Luật Hiến pháp | 03 |
| 2 | Luật hành chính | 03 |
| 3 | Luật dân sự | 03 |
| 4 | Luật hình sự | 03 |
| Tổng số tín chỉ | | 12 |

(Thí sinh đã hoàn tất bất cứ học phần nào tương đương trong chương trình đào tạo đại học thì sẽ được miễn học phần đó)

5. Thời gian tuyển sinh, lệ phí, học phí

5.1 Thời gian tuyển sinh:

| NỘI DUNG | THỜI GIAN |
|---------------------------------|---|
| Nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh | Từ ngày thông báo đến hết ngày 08/03/2024 |
| Thời gian học bổ sung kiến thức | Từ ngày ra thông báo |
| Thời gian ôn thi Tiếng Anh | Từ ngày 11/03/2024 đến ngày 29/03/2024 |
| Thi kiểm tra Tiếng Anh | Ngày 31/03/2024 (dự kiến) |
| Xét tuyển hồ sơ | Ngày 01/04/2024 (dự kiến) |
| Công bố trúng tuyển | Ngày 06/04/2024 |
| Nhập học dự kiến | Tháng 25/04/2024 |

5.2 Lệ phí, học phí

| TT | NỘI DUNG | SỐ TIỀN |
|----|---|----------------------|
| 1 | Lệ phí học bổ sung kiến thức | 3.000.000đ/môn (3TC) |
| 2 | Lệ phí xét tuyển | 1.000.000đ |
| 3 | Ôn và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào | 1.500.000đ |
| 4 | Học phí | 22.000.000đ/học kỳ |

5.3. Chính sách học bổng

| TT | NỘI DUNG | HỌC BỔNG |
|----|---|-----------------|
| 1 | Cựu sinh viên GDU vào học | 20% học phí HKI |
| 2 | Thầy Cô các trường THPT có ký kết hợp tác với trường Đại học Gia Định | 20% học phí HKI |
| 3 | Con em và CBNV cấp Sở, Ban ngành ở Tỉnh (Có quy định riêng) | 20% học phí HKI |
| 4 | Bản thân và con em Thầy Cô, CBNV trong hệ thống Tập đoàn Nguyễn Hoàng (đủ thời gian công tác theo quy định) | 50% khóa học |

6. Hồ sơ đăng ký:

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền nơi cư trú.
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp đại học.
- Bản sao công chứng bảng điểm đại học.
- Giấy chứng nhận các môn học bổ sung kiến thức (nếu có).
- Giấy khám sức khỏe (không quá 06 tháng).
- Bản sao hợp lệ giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên.
- Bản sao công chứng CMT/CCCD.
- 4 ảnh 3x4 (không quá 6 tháng ghi họ tên, ngày tháng năm sinh phía sau ảnh).

Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Địa chỉ: Phòng C103 - 371 Nguyễn Kiệm, P.03, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại/Zalo: 0934 92 42 92 - Thầy Phúc; 0901 02 77 87 - Cô Trinh

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Khoa: KTQT, KHXXH-NN (để phối hợp);
- Lưu: VT; Viện SDH.

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


TRỊNH HỮU CHUNG

PHỤ LỤC: Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ thạc sĩ.

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ/Văn bằng | Trình độ/Thang điểm | |
|----|------------------|--|---|---|
| | | | Tương đương Bậc 3 | Tương đương Bậc 4 |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 – 45 | 46 - 93 |
| | | TOEFL ITP | 450 – 499 | |
| | | IELTS | 4.0 – 5.0 | 5.5 - 6.5 |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary / B1 Business Preliminary / Linguaskill Thang điểm: 140 - 159 | B2 First / B2 Business Vantage / Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
| | | TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149 | Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 -179 Viết: 150 - 179 |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance Française Diplomas | TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue | TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut | Goethe – Zertifikat B1 | Goethe – Zertifikat B2 |
| | | The German TestDaF Language | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) | TestDaF Bậc 4 (TDN 4) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 | HSK Bậc 4 |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 | N3 |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1 | ТРКИ-2 |

GH